

về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT).

2. Nơi nộp hồ sơ và nhận kết quả cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động sau khi cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; Điều 20, Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT.

3. Mẫu giấy tờ sử dụng trong thủ tục cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động sau khi cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính và Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận

1. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam:

a) Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã):

- Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định và chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố (gọi chung là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện).

- Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) cấp Giấy chứng nhận và chuyển Giấy chứng nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

b) Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện:

- Trong thời hạn không quá bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung công việc theo quy định và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận và

chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

2. Thời gian giải quyết cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài:

a) Trong thời hạn không quá bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định và chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận hoặc ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp được ủy quyền và chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

3. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán:

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định trong thời hạn không quá bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận hoặc ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp được ủy quyền và chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để trao cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh chuyển đến, chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận và

chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh để trao cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Điều 5. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận khi người sử dụng đất có nhu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản

1. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận khi người sử dụng đất có nhu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản:

a) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định và chuyển hồ sơ cho cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp.

b) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận hoặc ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp được uỷ quyền và chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận và chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1, Điều này:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định và chuyển hồ sơ cho cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp.

b) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận hoặc ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp được uỷ quyền và chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận và chuyển Giấy chứng nhận đã ký cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc để trao cho người được cấp Giấy chứng nhận.

Điều 6. Thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký biến động sau khi cấp Giấy chứng nhận

1. Trường hợp người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện để thực hiện các công việc theo quy định.

b) Trong thời hạn không quá mười hai (12) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện đăng ký, chỉnh lý biến động theo quy định và chuyển kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người sử dụng đất, chủ sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Trường hợp người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì trong thời hạn không quá mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện đăng ký, chỉnh lý biến động theo quy định và trả kết quả cho người sử dụng đất, chủ sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, công trình xây dựng có trách nhiệm thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối tổng hợp, tiếp nhận các ý kiến đóng góp, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

3. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo dõi, kiểm tra trong quá trình thực hiện Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện thời gian cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền theo Quy định này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, công trình xây dựng; tổ chức, cá nhân sử dụng đất, sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất phản ánh kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2010/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục kiểm kê bắt buộc đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm Pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm Pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi, giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 402/TTr-STNMT ngày 23 tháng 12 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục kiểm kê bắt buộc đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về trình tự kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất, nhà và tài sản gắn liền với đất để phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; hộ gia đình, cá nhân và người đứng đầu tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về trình tự, thủ tục kiểm kê bắt buộc đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2010/QĐ-UBND ngày 27/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất, nhà và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế hoặc có nhà, tài sản khác gắn liền với đất bị Nhà nước thu hồi để sử dụng vào các mục đích trên (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức và cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Điều kiện áp dụng.

Việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất, nhà và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi chung là kiểm kê bắt buộc) chỉ được thực hiện khi người bị thu hồi đất không chấp hành các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế và có đủ các điều kiện sau:

1. Đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục về thu hồi đất, về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Trong đó, đã công bố công khai các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau:

a) Quyết định thu hồi đất để giao đất hoặc cho thuê đất đối với trường hợp thu hồi đất trước ngày 02/7/2007 (ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, gọi tắt là Nghị định số 84/2007/NĐ-CP).

b) Quyết định thu hồi đất để giao đất hoặc cho thuê đất; Văn bản về chủ trương thu hồi đất (đối với trường hợp thu hồi đất theo quy hoạch) hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư (đối với trường hợp thu hồi đất theo dự án); Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Thông báo về việc thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất từ ngày 02/7/2007 đến trước ngày 01/10/2009 (ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, gọi tắt là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP).

c) Thông báo thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất sau ngày 01/10/2009.

2. Đã tuyên truyền, vận động nhưng người bị thu hồi đất vẫn cố tình gây cản trở cho việc đo đạc, kiểm đếm để lấy số liệu phục vụ cho việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Đã gửi văn bản thông báo của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về thời gian, địa điểm kiểm kê hiện trạng đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là thông báo về thời gian, địa điểm kiểm kê) tới người bị thu hồi đất nhưng người bị thu hồi đất không hợp tác với Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, biểu hiện ở một trong các hành vi sau: Không nhận tờ khai hiện trạng đất, nhà và tài sản gắn liền với đất; không nộp tờ kê khai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày phát tờ khai; cố tình vắng mặt khi kiểm kê hiện trạng đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có mặt nhưng không ký biên bản kiểm kê đã được lập đúng quy định.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm kê bắt buộc.

1. Việc kiểm kê bắt buộc phải thực hiện vào giờ hành chính.

2. Quá trình tiến hành kiểm kê bắt buộc phải thực hiện công khai, dân chủ; bảo đảm đầy đủ, chính xác, khách quan và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Người cố tình gây cản trở, chống người thực hiện nhiệm vụ kiểm kê bắt buộc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN VÀ SỬ DỤNG SỐ LIỆU

KIỂM KÊ BẮT BUỘC

Điều 5. Tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.